TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **654**/2026/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 22 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 628/2026/TLST–HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026, về việc: Ly hôn, con chung giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **NVT** , sinh năm 1989; CCCD số: 001***976 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/04/2021; nơi đăng ký thường trú: Tổ 8 phường V, thành phố H.

- *Bị đơn:* Chị **THY**, sinh năm 1993; CCCD số: 001***996 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/04/2021; nơi đăng ký thường trú: Tổ 8 phường V, thành phố H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh NVT, sinh năm 1989 và chị THY, sinh năm 1993.

2. Công nhận sự thoả thuận của anh NVT và chị THY, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Anh T và chị Y cùng xác định anh chị có 01 con chung là cháu NBK, sinh ngày 29/3/2013. Khi ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận: Giao cháu BK cho anh T là bố trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng của chị Y cho anh T đến khi cháu BK trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Anh T, chị Y không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về nợ chung vợ chồng: Anh T, chị Y không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của anh NVT chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/26E số 0014203 ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố H (Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5). Hoàn trả lại anh T số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án ND TP H;
- VKSND Khu vực 5 – H;
- Thi hành án dân sự TP H
- Phòng thi hành án KV5;
- UBND P.Việt Hưng, tp H (GCNKH số 93 quyển số 01/2012)*;*
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Ngọc